

Số: 05/2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP), điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 140/2020/NĐ-CP) thông qua xử lý nợ để chuyển thành công ty cổ phần.

2. Chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP), khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 32/2018/NĐ-CP), khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 129/2020/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (sau đây gọi là doanh nghiệp mua bán nợ).

2. Doanh nghiệp sau khi xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP mà giá trị thực tế của doanh nghiệp thấp hơn các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp tái cơ cấu).

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý và thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là Cơ quan đại diện chủ sở hữu).

4. Chủ nợ tham gia tái cơ cấu.

5. Công ty cổ phần có vốn góp và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ.

6. Tổ chức đấu giá.

7. Nhà đầu tư tham gia mua lô cổ phần kèm nợ phải thu.

8. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "*Phương án tái cơ cấu*" là phương án chuyển đổi doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này thành công ty cổ phần, trong đó bao gồm cả phương án xử lý tài chính thông qua hoạt động mua bán nợ.

2. "*Giá vốn mua nợ*" là chi phí mua nợ, bao gồm giá mua khoản nợ cộng (+) các khoản chi phí liên quan đến việc mua khoản nợ.

3. "*Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ*" là biện pháp xóa một phần trách nhiệm trả nợ cho bên nợ theo quy định của pháp luật.

4. "*Chủ nợ*" là tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế, cá nhân, chủ thể giao dịch dân sự khác có quyền đòi nợ.

5. "*Chủ nợ tham gia tái cơ cấu*" là chủ nợ của doanh nghiệp tái cơ cấu, cùng tham gia quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần.

6. "*Tổ chức có chức năng thẩm định giá*" là các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.

7. "*Chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu*" là việc chuyển nhượng đồng thời lô cổ phần và khoản nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ tại doanh nghiệp khác theo các phương thức chuyển nhượng vốn quy định tại Luật

quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Luật số 69/2014/QH13).

8. "*Tổ chức đấu giá*" bao gồm Sở Giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

9. "*Đấu giá/chào bán cạnh tranh không thành công*" bao gồm các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá/chào bán cạnh tranh hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá/chào bán cạnh tranh;

b) Sau khi nộp tiền đặt cọc, đến hết thời hạn nộp phiếu tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh không có nhà đầu tư nào nộp phiếu tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh;

c) Không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá/chào bán cạnh tranh hoặc giá nhà đầu tư trả cao nhất vẫn thấp hơn giá khởi điểm;

d) Tất cả các nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối mua hoặc từ chối bỏ phiếu kín;

đ) Nhà đầu tư trúng giá nhưng từ chối mua;

e) Tất cả các nhà đầu tư vi phạm quy định của Quy chế bán đấu giá/chào bán cạnh tranh.

Chương II TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Điều 4. Nguyên tắc tái cơ cấu doanh nghiệp

1. Phương án tái cơ cấu được thực hiện trên nguyên tắc đồng thuận giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp tái cơ cấu với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Mua bán nợ Việt Nam) và/hoặc các chủ nợ tham gia tái cơ cấu (lập biên bản thỏa thuận giữa các bên). Công ty Mua bán nợ Việt Nam được quyền chủ động đàm phán mua nợ với các chủ nợ và đề xuất phương án tái cơ cấu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty Mua bán nợ Việt Nam chỉ quyết định mua nợ sau khi đã thỏa thuận, thống nhất với cơ quan đại diện chủ sở hữu và có kết quả đàm phán mua nợ với các chủ nợ của doanh nghiệp tái cơ cấu. Phương án mua bán nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp phải đảm bảo có tính khả thi, có khả năng thu hồi vốn hiệu quả và đủ nguồn chênh lệch giữa giá vốn mua nợ với giá trị số sách khoản nợ để xử lý tài chính, chuyển đổi thành công doanh nghiệp sang công ty cổ phần theo quy định.

3. Trường hợp phương án mua nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp không khả thi và hiệu quả thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện

chủ sở hữu xem xét, quyết định hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.

4. Ngoài các nội dung quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp tái cơ cấu, Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các cơ quan có liên quan thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Nghị định số 129/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Quy trình tái cơ cấu doanh nghiệp

Quy trình tái cơ cấu doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần quy định cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này, bao gồm các bước cơ bản sau:

1. Xây dựng phương án tái cơ cấu

a) Triển khai kế hoạch chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần:

- Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá/tái cơ cấu và Tổ giúp việc.
- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu.
- Phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa, quyết định lựa chọn tư vấn cổ phần hóa.

- Tổ chức kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp.

- Quyết định việc đề nghị Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ khác tham gia tái cơ cấu.

b) Hoàn tất phương án tái cơ cấu trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu.

3. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

- a) Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp;
- b) Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp tái cơ cấu và công ty cổ phần.

Điều 6. Xử lý tài chính doanh nghiệp tái cơ cấu

1. Xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp

Doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành

công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 46/2021/TT-BTC) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Xử lý tài chính theo phương án tái cơ cấu

a) Nguyên tắc xử lý tài chính:

- Việc xử lý tài chính đối với doanh nghiệp tái cơ cấu phải gắn với phương án tái cơ cấu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ phải gắn liền với việc Công ty Mua bán nợ Việt Nam chuyển nợ, tài sản thành vốn góp tại doanh nghiệp và không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đã gây ra tổn thất tài chính trước đây.

- Đảm bảo công khai, minh bạch và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện xử lý tài chính không chấp hành đúng chế độ quy định, gây thất thoát vốn, tài sản thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm bồi thường và xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

b) Nội dung xử lý tài chính:

- Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, căn cứ phương án tái cơ cấu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt:

+ Công ty Mua bán nợ Việt Nam xem xét, giảm trừ nghĩa vụ trả nợ tối đa bằng số âm vốn chủ sở hữu theo Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu về xác định giá trị doanh nghiệp trừ đi phần giảm trừ nghĩa vụ trả nợ của các chủ nợ khác (nếu có) và không vượt quá số chênh lệch giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá vốn mua nợ tính đến thời điểm quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ;

+ Các chủ nợ khác quyết định giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho doanh nghiệp tái cơ cấu theo thỏa thuận giữa các bên.

- Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp tái cơ cấu tiếp tục xử lý tài chính theo quy định. Trong đó:

+ Lợi nhuận phát sinh được phân phối theo quy định hiện hành đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành (nếu có).

+ Trường hợp phát sinh lỗ thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp tái cơ cấu làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để có biện pháp khắc phục, bồi thường theo quy định, số lỗ còn lại được Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ tham gia tái cơ cấu xem xét, thực hiện tiếp việc giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ nếu còn nguồn chênh lệch giữa giá vốn mua nợ và giá trị sổ sách khoản nợ.

Điều 7. Chuyển nợ thành vốn góp và bán cổ phần lần đầu

1. Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ tham gia tái cơ cấu doanh

nghiệp được chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo nguyên tắc thỏa thuận và được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án tái cơ cấu.

2. Doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện trình tự, thủ tục, phương thức bán và giá bán cổ phần lần đầu theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 32/2021/TT-BTC) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định giá bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp tái cơ cấu không thấp hơn 60% mệnh giá cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Xử lý số cổ phần không bán hết

Doanh nghiệp tái cơ cấu có trách nhiệm thực hiện xử lý số cổ phần không bán hết theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Thông tư số 32/2021/TT-BTC. Trong đó:

1. Trường hợp không bán hết số cổ phần cho các nhà đầu tư theo phương thức thỏa thuận sau khi bán đấu giá công khai không thành công hoặc không bán hết số cổ phần chào bán của cuộc đấu giá công khai theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 32/2021/TT-BTC thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu xem xét, quyết định chào bán cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ theo nguyên tắc thỏa thuận và giá bán cổ phần không thấp hơn mệnh giá.

2. Trường hợp Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ vẫn không mua hết số cổ phần chào bán quy định tại khoản 1 Điều này thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp tái cơ cấu thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu

Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư số 32/2021/TT-BTC và Thông tư số 46/2021/TT-BTC, trong đó:

1. Giúp cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp cấp 1) đối với trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp do doanh nghiệp cấp 1 nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp cấp 2) chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuyển doanh nghiệp tái cơ cấu thành công ty cổ phần.

2. Rà soát, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) phê duyệt phương án tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này.

3. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường

hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) phê duyệt các khoản chi phí chuyên đổi, chi cho người lao động dôi dư, tinh giản biên chế và số tiền thu từ cổ phần hóa/tái cơ cấu phải nộp.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1

Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư số 32/2021/TT-BTC và Thông tư số 46/2021/TT-BTC, trong đó:

1. Chỉ đạo doanh nghiệp tái cơ cấu phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ để tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng doanh nghiệp trước khi tham gia tái cơ cấu.

2. Thỏa thuận với Công ty Mua bán nợ Việt Nam, các chủ nợ về phương án tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua xử lý nợ theo quy định tại Thông tư này.

3. Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này và các nội dung đã thỏa thuận với Công ty Mua bán nợ Việt Nam, các chủ nợ tham gia tái cơ cấu.

4. Kiểm tra, giám sát Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu và doanh nghiệp tái cơ cấu trong việc triển khai phương án tái cơ cấu.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp tái cơ cấu

1. Chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp, tạo điều kiện để Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ tham gia phương án tái cơ cấu nghiên cứu, đánh giá thực trạng của doanh nghiệp trước khi xây dựng phương án tái cơ cấu.

2. Phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ xây dựng phương án tái cơ cấu, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) phê duyệt theo quy định.

3. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) xem xét, thỏa thuận với Công ty Mua bán nợ Việt Nam để triển khai các bước của quá trình tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này trong trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp nhưng theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất có tổng tài sản thấp hơn các khoản nợ phải trả.

4. Tổ chức triển khai phương án tái cơ cấu, quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa/tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trường hợp có tổn thất xảy ra do vi phạm, không thực hiện đúng các

quy định thì doanh nghiệp tái cơ cấu và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Kết thúc quá trình tái cơ cấu, doanh nghiệp phải quyết toán kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, tinh giản biên chế và chi phí chuyển đổi, báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu trình cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) phê duyệt.

6. Doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm khác đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư số 32/2021/TT-BTC và Thông tư số 46/2021/TT-BTC.

Điều 12. Trách nhiệm của Công ty Mua bán nợ Việt Nam

1. Thỏa thuận với cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) và doanh nghiệp tái cơ cấu trước khi quyết định mua nợ từ các chủ nợ của doanh nghiệp tái cơ cấu.

2. Thực hiện xử lý tài chính theo phương án tái cơ cấu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) phê duyệt, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Công ty Mua bán nợ Việt Nam và quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với doanh nghiệp tái cơ cấu trong quá trình tổ chức triển khai phương án tái cơ cấu.

4. Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty Mua bán nợ Việt Nam tại doanh nghiệp tái cơ cấu theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của các chủ nợ tham gia tái cơ cấu

1. Phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam, cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) và doanh nghiệp tái cơ cấu trong quá trình tổ chức triển khai phương án tái cơ cấu. Thực hiện xử lý tài chính cho doanh nghiệp tái cơ cấu theo cam kết và phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

2. Tham gia vào Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu và Tổ giúp việc để triển khai phương án tái cơ cấu (nếu cần).

3. Cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp tái cơ cấu (nếu có) theo quy định.

Chương III

CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU

Điều 14. Nguyên tắc thực hiện và thẩm quyền quyết định chuyển nhượng

1. Việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số

91/2015/NĐ-CP, khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP. Các nội dung không quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tại thời điểm xây dựng phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu, trường hợp giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp mua bán nợ và đã được trích lập dự phòng (cả phần vốn góp và phần nợ phải thu) thì việc quyết định phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu thực hiện như sau:

a) Nếu khoản dự phòng đã trích lập bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá trị dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu;

b) Nếu khoản dự phòng đã trích lập nhỏ hơn chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư ghi trên sổ kế toán với giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nguyên nhân phát sinh khoản chênh lệch để cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý vốn đầu tư ra ngoài (nếu có) và quyết định phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu.

3. Toàn bộ số lượng cổ phần chào bán (toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phần góp tại doanh nghiệp) và khoản nợ phải thu kèm theo được xác định là một lô. Nhà đầu tư tham gia phải mua cả lô cổ phần kèm nợ phải thu. Công ty cổ phần có vốn góp và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ không được tham gia đấu giá, chào giá cạnh tranh, thỏa thuận cả lô cổ phần kèm nợ phải thu của chính doanh nghiệp mình. Nhà đầu tư tham gia mua cả lô cổ phần kèm nợ phải thu không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

4. Trình tự phương thức chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ thực hiện theo trình tự phương thức chuyển nhượng vốn ra ngoài doanh nghiệp quy định tại Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

5. Việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu tại các công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch/niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hình thức đấu giá công khai (đấu giá theo lô). Trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện theo hình thức chào bán cạnh tranh. Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định của quy chế phiên chào bán cạnh tranh thì thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo hình thức thỏa thuận trực tiếp.

6. Đối với Công ty Mua bán nợ Việt Nam, việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 129/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

Điều 15. Giá khởi điểm

1. Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty (hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc theo phân cấp) của doanh nghiệp mua bán nợ quyết định giá khởi điểm chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu nhưng không thấp hơn giá trị lô cổ phần cộng với giá trị khoản nợ phải thu theo nguyên tắc sau:

a) Giá trị lô cổ phần để xác định giá khởi điểm lô cổ phần kèm nợ phải thu không thấp hơn giá trị của một cổ phần nhân (x) với số lượng cổ phần chào bán theo lô và theo nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

b) Giá trị khoản nợ phải thu để xác định giá khởi điểm lô cổ phần kèm nợ phải thu không thấp hơn giá trị xác định lại do tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện. Việc xác định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá và pháp luật có liên quan.

2. Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo các phương thức tại Thông tư này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu (theo phương thức thỏa thuận). Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá.

Điều 16. Tổ chức thực hiện đấu giá

1. Doanh nghiệp mua bán nợ ký hợp đồng thuê tổ chức đấu giá để tổ chức bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu.

2. Trường hợp thành lập Hội đồng bán đấu giá (nếu có), tổ chức đấu giá ban hành quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá là đại diện của doanh nghiệp mua bán nợ hoặc người được ủy quyền.

3. Căn cứ Quy chế mẫu ban hành kèm Phụ lục 2 Thông tư này, Tổ chức đấu giá ban hành Quy chế bán đấu giá cả lô cổ phần kèm nợ phải thu sau khi thống nhất với doanh nghiệp mua bán nợ.

Điều 17. Lập hồ sơ đấu giá và công bố thông tin

1. Hồ sơ bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu bao gồm:

a) Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu;

b) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp mua bán nợ là chủ sở hữu hợp pháp với phần vốn góp tại công ty cổ phần;

c) Tài liệu liên quan đến khoản nợ: Biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm gần nhất với thời điểm công bố thông tin, trong đó bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi (nếu có); Thông tin về tài sản bảo đảm khoản nợ (nếu có) và giá trị tài sản bảo đảm (giá trị sổ sách; giá trị định giá lại) và các tài liệu khác có liên quan đến khoản nợ (nếu cần);

d) Chứng thư thẩm định giá;

đ) Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, trong đó bổ sung thông tin về khoản nợ bán kèm lô cổ phần gồm: giá trị khoản nợ (giá trị sổ sách, giá trị xác định lại), thông tin về tài sản bảo đảm khoản nợ (nếu có) và giá trị tài sản bảo đảm (giá trị sổ sách, giá trị định giá lại);

e) Quy chế bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu.

2. Công bố thông tin:

Việc thực hiện công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

Điều 18. Thực hiện bán đấu giá

1. Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp mua bán nợ hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận của doanh nghiệp mua bán nợ và tổ chức đấu giá.

2. Trong thời hạn quy định tại Quy chế bán đấu giá, nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá thực hiện đăng ký đấu giá và thực hiện nộp tiền đặt cọc. Doanh nghiệp mua bán nợ quyết định tỷ lệ đặt cọc của nhà đầu tư bằng 10% tổng giá trị lô cổ phần kèm nợ phải thu tính theo giá khởi điểm. Trường hợp cần thiết xác định mức đặt cọc cao hơn để đảm bảo phương án chuyển nhượng thành công thì doanh nghiệp mua bán nợ quyết định tỷ lệ đặt cọc nhưng không cao hơn 20% tổng giá trị lô cổ phần kèm nợ phải thu tính theo giá khởi điểm.

Sau khi đăng ký đấu giá và hoàn tất thủ tục đặt cọc, nhà đầu tư được tổ chức đấu giá cung cấp phiếu tham dự đấu giá để thực hiện đặt giá mua (giá đấu).

3. Trong thời hạn quy định tại Quy chế bán đấu giá, các nhà đầu tư ghi giá đặt mua (giá đấu) vào phiếu tham dự đấu giá và bỏ phiếu trực tiếp tại địa điểm tổ chức đấu giá hoặc bỏ phiếu qua đường bưu điện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần. Mỗi nhà đầu tư chỉ được cấp một phiếu tham dự đấu giá và chỉ được bỏ một mức giá cho toàn bộ lô cổ phần kèm nợ phải thu.

Việc đấu giá công khai chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự cuộc đấu giá công khai theo quy định tại Quy chế bán đấu giá.

Điều 19. Xác định kết quả đấu giá

1. Giá đấu hợp lệ là mức giá không thấp hơn giá khởi điểm theo quy định tại Quy chế bán đấu giá.

2. Giá trúng đấu giá được xác định là mức giá hợp lệ nhà đầu tư đặt mua cao nhất.

3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đặt mức giá cao nhất bằng nhau và không thấp hơn mức giá khởi điểm thì trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu, doanh nghiệp mua bán nợ phối hợp với tổ chức đấu giá thực hiện bỏ phiếu kín trực tiếp giữa các nhà đầu tư cùng trả mức giá này để xác định nhà đầu tư có mức đặt giá cao nhất và duy nhất. Mức giá bỏ phiếu kín là mức giá không thấp hơn mức giá đấu mà các nhà đầu tư đã trả cao nhất bằng nhau theo bước giá quy định tại Quy chế bán đấu giá. Nhà đầu tư có mức giá đặt mua cao nhất khi bỏ phiếu kín là nhà đầu tư trúng giá và sẽ được mua lô cổ phần kèm nợ phải thu. Trường hợp khi tổ chức bỏ phiếu kín các nhà đầu tư tiếp tục trả giá bằng nhau thì tổ chức bốc thăm ngay để xác định nhà đầu tư trúng giá.

Trường hợp nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối bỏ phiếu kín hoặc nhà đầu tư đã xác định trúng giá nhưng từ chối mua thì xác định cuộc đấu giá không thành công để thực hiện chuyển sang phương thức chuyển nhượng khác theo quy định.

Điều 20. Xử lý kết quả đấu giá

1. Ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, Tổ chức đấu giá có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá; Tổ chức đấu giá, doanh nghiệp mua bán nợ đồng ký biên bản xác định kết quả đấu giá. Biên bản xác định kết quả đấu giá được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

2. Trong thời gian tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đấu giá, doanh nghiệp mua bán nợ/tổ chức đấu giá phối hợp công bố kết quả đấu giá tại địa điểm đấu giá, trên trang thông tin điện tử của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp mua bán nợ và thông báo cho nhà đầu tư trúng đấu giá kết quả trúng giá.

3. Trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá cổ phần, căn cứ thông báo trúng đấu giá, nhà đầu tư thực hiện thanh toán phần còn lại tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu theo giá trúng đấu giá sau khi trừ đi số tiền đặt cọc. Trong thời hạn này, doanh nghiệp mua bán nợ phối hợp với tổ chức bán đấu giá hoàn trả tiền đặt cọc cho các nhà đầu tư không trúng đấu giá và không vi phạm Quy chế bán đấu giá. Nhà đầu tư vi phạm Quy chế bán đấu giá thì không được hoàn trả tiền đặt cọc.

4. Chuyển tiền thu từ bán lô cổ phần kèm nợ phải thu và danh sách nhà đầu tư đã nộp tiền cho doanh nghiệp mua bán nợ

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư, tổ chức đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán lô cổ phần

kèm nợ phải thu và danh sách nhà đầu tư đã nộp tiền cho doanh nghiệp mua bán nợ.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư, doanh nghiệp mua bán nợ gửi hồ sơ bao gồm: Quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của cấp có thẩm quyền, văn bản đề nghị và Biên bản xác định nhà đầu tư trúng đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu (bao gồm cả danh sách nhà đầu tư đã nộp tiền) đến Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đối với trường hợp bán đấu giá cổ phần tại công ty cổ phần đã đăng ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp mua bán nợ, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thực hiện chuyển quyền sở hữu phần vốn của doanh nghiệp mua bán nợ đã chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác theo hồ sơ doanh nghiệp mua bán nợ gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp doanh nghiệp mua bán nợ bán đấu giá cổ phần chưa đăng ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần giữa doanh nghiệp mua bán nợ và nhà đầu tư sau khi nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền mua cổ phần thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty cổ phần.

d) Doanh nghiệp mua bán nợ có trách nhiệm phối hợp với công ty cổ phần hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần kèm nợ phải thu cho nhà đầu tư, công khai thông tin về thủ tục và thời gian cụ thể việc hoàn thành chuyển quyền sở hữu cổ phần kèm nợ phải thu cho nhà đầu tư biết khi tổ chức thực hiện bán đấu giá.

5. Căn cứ giá trị khoản nợ và giá trị lô cổ phần khi xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều 15 Thông tư này, doanh nghiệp mua bán nợ quyết định việc phân bổ tiền thu từ bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu cho lô cổ phần và khoản nợ theo nguyên tắc số tiền phân bổ không thấp hơn giá trị của lô cổ phần và của khoản nợ khi xác định giá khởi điểm lô cổ phần kèm nợ phải thu.

6. Trường hợp đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu không thành công, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp mua bán nợ quyết định chuyển sang thực hiện theo phương thức chào bán cạnh tranh.

Điều 21. Chào bán cạnh tranh, thỏa thuận

1. Việc tổ chức thực hiện, xác định kết quả, thanh toán tiền bán cổ phần, lập và gửi hồ sơ chuyển quyền sở hữu cổ phần và báo cáo chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo phương thức chào bán cạnh tranh thực hiện như quy định đối với phương thức đấu giá công khai tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Thông tư này.

2. Trường hợp tổ chức chào bán cạnh tranh lô cổ phần kèm nợ phải thu chỉ có 01 (một) nhà đầu tư tham gia thì doanh nghiệp mua bán nợ bán thỏa thuận trực tiếp cho nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện

đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định với giá không thấp hơn giá khởi điểm của phiên chào giá cạnh tranh.

3. Sau khi thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận mà vẫn không chuyên nhượng được lô cổ phần kèm nợ phải thu thì doanh nghiệp mua bán nợ căn cứ nhu cầu thị trường để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyên nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo các phương thức giao dịch và thứ tự thực hiện các phương thức theo quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của doanh nghiệp mua bán nợ

1. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai việc chuyên nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo quy định tại Thông tư này.

2. Lập hồ sơ và công bố thông tin chuyên nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

3. Ký biên bản xác định kết quả đấu giá/chào bán cạnh tranh và công bố kết quả đấu giá/chào bán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 20 và Điều 21 Thông tư này.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức đấu giá

1. Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá/chào bán cạnh tranh (nếu có) và ban hành Quy chế bán đấu giá/chào bán cạnh tranh lô cổ phần kèm nợ phải thu.

2. Phối hợp với doanh nghiệp mua bán nợ công bố thông tin và báo cáo kết quả bán đấu giá/chào bán cạnh tranh lô cổ phần kèm nợ phải thu theo quy định tại Thông tư này.

3. Thực hiện việc chuyên nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm của công ty cổ phần có vốn góp và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ

1. Phối hợp, cung cấp các thông tin cần thiết để doanh nghiệp mua bán nợ lập hồ sơ bán đấu giá/chào bán cạnh tranh lô cổ phần kèm nợ phải thu theo quy định.

2. Phối hợp với doanh nghiệp mua bán nợ/tổ chức bán đấu giá thực hiện chuyển quyền sở hữu phần vốn góp và quyền chủ nợ của khoản nợ phải thu cho nhà đầu tư trúng giá lô cổ phần kèm nợ phải thu.

Điều 25. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế chuyên nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu và quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của công ty đại chúng và trở thành cổ đông lớn thì nhà đầu tư thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các doanh nghiệp tái cơ cấu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án tái cơ cấu trước thời điểm Nghị định số 126/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt. Việc xử lý tài chính và quản lý, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa/tái cơ cấu tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư số 32/2021/TT-BTC, Thông tư số 46/2021/TT-BTC và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện chuyển nhượng tính đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt. Trường hợp điều chỉnh phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì doanh nghiệp mua bán nợ căn cứ quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan để quyết định phương án chuyển nhượng.

3. Sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các nội dung áp dụng đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ được áp dụng đối với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2022.

2. Thông tư này thay thế các văn bản sau:

a) Thông tư số 69/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

b) Thông tư số 50/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu xem xét, xử lý. *W*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN. (2006) *ng*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Chúch
Nguyễn Đức Chi

QUY TRÌNH CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP TÁI CƠ CẤU THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2022/TT-BTC
ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Quy trình chuyển đổi doanh nghiệp tái cơ cấu thành công ty cổ phần bao gồm các bước công việc sau:

Bước 1. Xây dựng phương án tái cơ cấu

a) Triển khai kế hoạch tái cơ cấu, chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần

- Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu và Tổ giúp việc.

+ Cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) quyết định thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá/tái cơ cấu và kế hoạch, lộ trình triển khai.

+ Trưởng Ban chỉ đạo lựa chọn và ra quyết định thành lập Tổ giúp việc trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban chỉ đạo.

+ Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này thì thành phần Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc bao gồm đại diện chủ nợ tham gia tái cơ cấu (nếu cần).

- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu:

Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan bao gồm:

+ Các Hồ sơ pháp lý về thành lập doanh nghiệp.

+ Các Hồ sơ pháp lý về tài sản, nguồn vốn, công nợ của doanh nghiệp.

+ Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế của công ty đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Lập dự toán chi phí chuyển đổi doanh nghiệp theo quy định.

+ Lập phương án sử dụng đất của doanh nghiệp đang quản lý phù hợp với quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của Chính phủ.

+ Lập danh sách và phương án sử dụng lao động đang quản lý.

+ Lựa chọn phương pháp, hình thức xác định giá trị doanh nghiệp, lựa chọn thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

- Ban Chỉ đạo chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan trình cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2)

quyết định phê duyệt dự toán chi phí chuyển đổi doanh nghiệp, quyết định lựa chọn tư vấn cổ phần hóa/tái cơ cấu theo quy định.

- Tổ chức kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn (nếu có) tiến hành:

+ Kiểm kê, phân loại tài sản và quyết toán tài chính, quyết toán thuế, phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý những vấn đề về tài chính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Lập phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi phương án cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên địa bàn đề xin ý kiến về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa và giá đất cụ thể làm căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng với doanh nghiệp tái cơ cấu và tổ chức tư vấn tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp Tổ chức tư vấn có chức năng định giá thì có thể thuê chọn gói về lập phương án cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức bán cổ phần.

- Quyết định việc đề nghị Công ty Mua bán nợ Việt Nam tham gia tái cơ cấu.

+ Ban chỉ đạo thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp; trường hợp giá trị thực tế của doanh nghiệp thấp hơn các khoản nợ phải trả thì cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ Việt Nam tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp.

+ Công ty Mua bán nợ Việt Nam căn cứ báo cáo thẩm tra của Ban chỉ đạo về kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện các bước tiếp theo của quá trình tái cơ cấu nêu dưới đây.

b) Hoàn tất phương án tái cơ cấu trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt

- Triển khai xây dựng phương án tái cơ cấu.

+ Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án tái cơ cấu, Công ty Mua bán nợ Việt Nam phối hợp với doanh nghiệp tái cơ cấu và các chủ nợ của doanh nghiệp tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng của doanh nghiệp tái cơ cấu.

+ Căn cứ kết quả khảo sát, Công ty Mua bán nợ Việt Nam chủ động phối hợp với doanh nghiệp tái cơ cấu đàm phán mua nợ với các chủ nợ và dự kiến phương án tái cơ cấu.

+ Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đàm phán, Công ty Mua bán nợ Việt Nam phải có văn bản thống nhất (hoặc không thống nhất) tham gia tái cơ cấu và đề xuất các nội dung cơ bản xác định điều kiện, giải pháp để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2). Trường hợp phương án mua bán nợ để tái cơ cấu không khả thi và hiệu quả (Công ty Mua bán nợ Việt Nam không thống nhất tham gia tái cơ cấu), Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) xem xét, quyết định chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Căn cứ ý kiến thống nhất và đề xuất của Công ty Mua bán nợ Việt Nam, cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) xem xét, chấp thuận bằng văn bản và chỉ đạo doanh nghiệp tái cơ cấu phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ xây dựng phương án tái cơ cấu hoặc thuê tổ chức tư vấn, đồng thời quyết định bổ sung thành phần Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu doanh nghiệp và Tổ giúp việc gồm đại diện các chủ nợ (nếu có).

- Hoàn tất phương án tái cơ cấu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nội dung cơ bản của phương án tái cơ cấu bao gồm:

+ Thực trạng của doanh nghiệp ở thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp;
 + Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp (sau khi được Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ khảo sát, đánh giá) và những vấn đề cần tiếp tục xử lý để đảm bảo doanh nghiệp có đủ điều kiện cổ phần hóa.

+ Nội dung phương án xử lý tài chính thuộc trách nhiệm của Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ theo đàm phán và cam kết của các bên.

+ Vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần.

+ Phương án chuyển nợ thành vốn góp của Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ; Phương án xử lý số cổ phần không bán hết.

+ Cơ cấu vốn điều lệ, giá khởi điểm và phương thức phát hành cổ phiếu theo quy định.

+ Dự thảo Điều lệ hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

+ Phương án sắp xếp lại lao động;

+ Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm tiếp theo.

+ Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ban Chi đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu chi đạo Tổ giúp việc cùng với doanh nghiệp phối hợp với tổ chức tư vấn (nếu có) thực hiện công khai phương án tái cơ cấu và gửi tới từng bộ phận trong công ty để nghiên cứu trước khi tổ chức Hội nghị người lao động (bắt thường).

Sau Hội nghị người lao động, Tổ giúp việc, doanh nghiệp tái cơ cấu phối hợp với tổ chức tư vấn (nếu có) hoàn thiện phương án tái cơ cấu để trình cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) phê duyệt.

- Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu thẩm định kết quả xác định giá trị doanh nghiệp (sau khi xử lý các vấn đề tài chính theo đề nghị của Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ), phương án tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) phê duyệt.

Bước 2. Tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu chi đạo doanh nghiệp phối hợp với các bên có liên quan và tổ chức tư vấn tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu và bán cổ phần theo phương án đã được duyệt.

2. Trường hợp không bán hết cổ phần cho các đối tượng theo đúng phương án tái cơ cấu được duyệt, Ban chỉ đạo tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2) quyết định xử lý cổ phần không bán hết theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Bước 3. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần

1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp.

a) Ban Chi đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu chi đạo Tổ giúp việc, doanh nghiệp tái cơ cấu tổ chức Đại Hội đồng cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát và bộ máy điều hành công ty cổ phần.

b) Căn cứ vào kết quả Đại Hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Hội đồng quản trị công ty cổ phần thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

2. Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

a) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, Ban Chi đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu chi đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí chuyển đổi doanh nghiệp, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hữu hoặc doanh nghiệp cấp 1 (trường hợp doanh nghiệp tái cơ cấu là doanh nghiệp cấp 2).

b) Căn cứ kết quả xác định lại giá trị vốn của doanh nghiệp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, Ban Chi đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu chi đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

c) Tổ chức ra mắt công ty cổ phần và thực hiện bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ban chi đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu, Tổ giúp việc và doanh nghiệp có thể tiến hành đồng thời nhiều bước để đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu doanh nghiệp./.

**QUY CHẾ MẪU
VỀ CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CỦA
DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẪM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ
CÓ CHỨC NĂNG MUA, BÁN, XỬ LÝ NỢ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với hình thức bán đấu giá công khai và chào bán cạnh tranh để chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của (ghi tên doanh nghiệp mua bán nợ) tại (ghi tên công ty cổ phần) được thực hiện tại tổ chức có chức năng bán đấu giá theo quy định của pháp luật.... (ghi tên Tổ chức bán đấu giá).

2. Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần cũng được thực hiện theo Quy chế này.

Điều 2. Một số từ ngữ áp dụng tại Quy chế này theo quy định sau

1. *Bán đấu giá công khai (chào bán cạnh tranh)* là việc bán đấu giá (chào bán cạnh tranh) cổ phần công khai theo lô kèm nợ phải thu cho các đối tượng có sự cạnh tranh về giá (sau đây gọi tắt là đấu giá).

2. *Nhà đầu tư mua lô cổ phần kèm nợ phải thu (gọi tắt là nhà đầu tư)* là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua lô cổ phần kèm nợ phải thu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. *Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng* là (sau đây gọi là doanh nghiệp mua bán nợ).

4. *Doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng* là ... (công ty cổ phần có vốn đầu tư và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ).

5. *Tổ chức bán đấu giá* là ...(tên tổ chức có chức năng đấu giá bao gồm: Sở Giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản).

6. *Tổ chức tư vấn bán đấu giá* là (tên Tổ chức tư vấn bán cổ phần).

7. *Hội đồng bán đấu giá* (nếu có) là tổ chức được thành lập để chỉ đạo việc thực hiện bán đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện chủ sở hữu vốn chuyển nhượng; đại diện doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng; đại diện Tổ chức bán đấu giá; đại

diện Tổ chức tư vấn bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá là người đại diện của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, thay mặt Hội đồng bán đấu giá ký các văn bản thuộc thẩm quyền.

8. *Mệnh giá cổ phần là ... đồng.*

9. *Giá khởi điểm lô cổ phần kèm nợ phải thu: ... đồng (mức giá khởi điểm này do doanh nghiệp mua bán nợ quyết định).*

10. *Bước giá là khoảng cách giữa các giá đặt mua liên tiếp tính từ giá khởi điểm lô cổ phần kèm nợ phải thu.*

11. *Giá đấu là các mức giá đặt mua lô cổ phần kèm nợ phải thu của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá.*

12. *Tiền đặt cọc là một khoản tiền của nhà đầu tư tham gia mua lô cổ phần kèm nợ phải thu ứng trước để đảm bảo quyền mua, bằng 10% giá trị lô cổ phần kèm nợ phải thu đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bằng đồng Việt Nam. Trường hợp cần thiết xác định mức đặt cọc cao hơn để đảm bảo phương án chuyển nhượng thành công thì doanh nghiệp mua bán nợ quyết định tỷ lệ đặt cọc nhưng không cao hơn 20% tổng giá trị lô cổ phần kèm nợ phải thu tính theo giá khởi điểm.*

13. *Các trường hợp bán đấu giá không thành công bao gồm:*

a) *Hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá/chào bán cạnh tranh hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá/chào bán cạnh tranh;*

b) *Sau khi nộp tiền đặt cọc đến hết thời hạn nộp phiếu tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh không có nhà đầu tư nào nộp phiếu tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh;*

c) *Không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá/chào bán cạnh tranh hoặc giá nhà đầu tư trả cao nhất vẫn thấp hơn giá khởi điểm;*

d) *Tất cả các nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối mua hoặc từ chối bỏ phiếu kín;*

đ) *Nhà đầu tư trúng giá nhưng từ chối mua;*

e) *Tất cả các nhà đầu tư vi phạm quy định của Quy chế đấu giá/chào bán cạnh tranh.*

14. *Ngày kết thúc cuộc đấu giá là ngày thực hiện đầy đủ các bước công việc có liên quan đến phiên tổ chức đấu giá và xác định được kết quả đấu giá.*

15. *Ngày kết thúc việc bán lô cổ phần kèm nợ phải thu là ngày cuối cùng nhà đầu tư thanh toán đủ tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu theo thông báo của Tổ chức bán đấu giá.*

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp mua bán nợ

1. Gửi văn bản đề nghị kèm theo đầy đủ hồ sơ liên quan đến bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ cần chuyển nhượng cho Tổ chức bán đấu giá.
2. Ký hợp đồng thuê dịch vụ đấu giá với Tổ chức bán đấu giá đã lựa chọn.
3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá (nếu có), đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu theo Quy chế này và các quy định hiện hành.
4. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu. Phối hợp với doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng để hoàn thiện và chịu trách nhiệm cung cấp cho Tổ chức bán đấu giá thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp trên cơ sở thông tin do doanh nghiệp cung cấp trước khi tiến hành bán đấu giá theo Quy chế này. Trường hợp doanh nghiệp mua bán nợ ủy quyền cho tổ chức tư vấn soạn thảo bản công bố thông tin thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của bản công bố thông tin trên cơ sở thông tin do doanh nghiệp và doanh nghiệp mua bán nợ cung cấp.
5. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá công bố công khai cho các nhà đầu tư các thông tin liên quan đến doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng và cuộc đấu giá theo các quy định tại Quy chế này.
6. Thông báo cho Tổ chức bán đấu giá về tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu.
7. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá thuyết trình các thông tin về doanh nghiệp có cổ phần và nợ phải thu cần chuyển nhượng cho các nhà đầu tư (nếu cần).
8. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức.
9. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Quy chế này.
10. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá công bố kết quả đấu giá và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này.
11. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
12. Hỗ trợ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho các nhà đầu tư trúng đấu giá.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá

1. Tổ chức chỉ đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá theo quy định tại Quy chế này.

2. Kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ và Phiếu tham dự đấu giá.

3. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

4. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức bán đấu giá

1. Tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến việc bán đấu giá do doanh nghiệp mua bán nợ cung cấp theo quy định.

2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá (nếu có).

3. Căn cứ vào quy mô, giá trị lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng, Tổ chức bán đấu giá có thể lựa chọn ký kết hợp đồng với các tổ chức khác (Đại lý đấu giá/chào bán cạnh tranh, sau đây gọi tắt là Đại lý đấu giá) để thực hiện các bước công việc của phiên đấu giá. Trách nhiệm và quyền hạn của Đại lý đấu giá do Tổ chức bán đấu giá quy định tại hợp đồng ký với Đại lý đấu giá (Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm công bố trách nhiệm và quyền hạn của Đại lý đấu giá tại Quy chế bán đấu giá).

4. Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá (nếu có), ban hành và công bố Quy chế bán đấu giá.

5. Thông báo với doanh nghiệp mua bán nợ về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá và công bố thông tin liên quan đến phiên đấu giá theo Quy chế này.

6. Tổ chức bán đấu giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực thông tin và số liệu liên quan đến cuộc đấu giá mà doanh nghiệp mua bán nợ đã cung cấp và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật nếu công bố thông tin không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu của doanh nghiệp mua bán nợ cung cấp.

7. Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này và các vấn đề khác liên quan đến việc bán đấu giá thuộc trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức bán đấu giá.

8. Tổng hợp số lượng đăng ký sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại nơi bán đấu giá và trên các phương tiện thông tin của Tổ chức bán đấu giá về tổng số nhà đầu tư tham gia (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đấu giá.

9. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức.

10. Tổ chức bán đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định.

11. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo quy định tại Quy chế này.

12. Phối hợp với doanh nghiệp mua bán nợ công bố kết quả đấu giá, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá

theo Quy chế này và thu tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu của nhà đầu tư trúng giá.

13. Chuyển tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế đấu giá) và tiền thu từ chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu về tài khoản của doanh nghiệp mua bán nợ theo quy định.

14. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho doanh nghiệp mua bán nợ trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua lô cổ phần kèm nợ phải thu của nhà đầu tư.

15. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến bán đấu giá.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền lợi của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng và cuộc đấu giá theo quy định.

2. Gửi Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua lô cổ phần kèm nợ phải thu cho Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) theo mẫu tại Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này.

3. Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn tại công ty cổ phần; các quy định pháp luật về chứng khoán và pháp luật khác có liên quan.

4. Nhà đầu tư trong và ngoài nước phải có tài khoản giao dịch chứng khoán khi đăng ký tham gia đấu giá (áp dụng đối với trường hợp đấu giá cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán).

6. Nộp tiền đặt cọc theo quy định tại Quy chế này.

7. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định.

8. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định.

9. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu trúng đấu giá.

10. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Công bố thông tin

1. Tổ chức bán đấu giá chủ trì phối hợp với doanh nghiệp mua bán nợ công bố thông tin về việc bán đấu giá theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày thực hiện đấu giá. Việc thông báo được tổ chức thực hiện trên các phương tiện sau đây:

a) Ba (03) số báo liên tiếp của một tờ báo phát hành trong toàn quốc và một tờ báo địa phương nơi doanh nghiệp mua bán nợ và doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng đặt trụ sở chính (nêu tên các báo công bố);

b) Website của doanh nghiệp mua bán nợ, Tổ chức bán đấu giá, doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn (nếu có);

2. Tổ chức bán đấu giá chủ trì phối hợp với doanh nghiệp mua bán nợ công

bố thông tin về hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày thực hiện đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển nhượng (nếu không phải là văn bản mật);

- Quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu;

- Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP;

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp mua bán nợ là chủ sở hữu hợp pháp của lô cổ phần kèm nợ phải thu đăng ký bán và các tài liệu liên quan đến khoản nợ: Biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm gần nhất với thời điểm công bố thông tin; Thông tin về tài sản bảo đảm khoản nợ (nếu có) và giá trị tài sản bảo đảm (giá trị sổ sách; giá trị định giá lại) và các tài liệu khác có liên quan đến khoản nợ (nếu cần); Chứng thư thẩm định giá;

- Quy chế bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu;

- Các tài liệu khác (nếu có).

b) Địa điểm công bố thông tin

- Tổ chức bán đấu giá:...*(Tên Tổ chức bán đấu giá)*.

+ Địa chỉ:..... *(nêu địa chỉ)*;

+ Website:..... *(tên website)*.

- Doanh nghiệp mua bán nợ ...*(Tên chủ sở hữu vốn)*.

+ Địa chỉ:..... *(nêu địa chỉ)*;

+ Website:..... *(tên website)*.

- Doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng ... *(tên công ty cổ phần)*.

+ Địa chỉ:..... *(nêu địa chỉ)*;

+ Website:..... *(tên website)*.

- Địa chỉ và tên các website công bố thông tin khác (nếu có):

Điều 8. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan

Nhà đầu tư tham gia đấu giá bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đối với nhà đầu tư trong nước

a) Đối với nhà đầu tư cá nhân: Là công dân Việt Nam, có địa chỉ liên hệ, Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Đối với nhà đầu tư tổ chức: Là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ. Công ty cổ phần có vốn góp và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ không được tham gia đấu giá, chào giá cạnh tranh, thỏa thuận cả lô cổ phần kèm nợ phải thu của chính doanh nghiệp mình;

c) Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam và quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với tổ chức và cá nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

a) Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại tổ chức được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

b) Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp;

c) Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

3. Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

Điều 9. Các thông tin cơ bản về phương án bán đấu giá

Doanh nghiệp mua bán nợ phối hợp với Tổ chức bán đấu giá xác định:

1. Lô cổ phần kèm nợ phải thu, trong đó:

a) Lô cổ phần chào bán:cổ phần;

b) Khoản nợ phải thu chào bán: ...đồng (tính đến ngày ...tháng...năm...), trong đó nợ gốc:..... đồng, nợ lãi:.....đồng.

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

3. Giá khởi điểm:đồng/lô cổ phần kèm nợ phải thu, trong đó:

a) Giá trị lô cổ phần: đồng;

b) Giá trị khoản nợ phải thu: đồng.

4. Bước giá:... đồng.

5. Tổng số lượng cổ phần/tỷ lệ vốn góp nhà đầu tư nước ngoài được phép mua tối đa:....

Điều 10. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

1. Nhận đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư nhận đơn hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua lô cổ phần kèm nợ phải thu tại các địa điểm và địa chỉ Website nêu tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

2. Nộp tiền đặt cọc

- Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc theo Quy chế đấu giá bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) trước ...giờ,...phút ngày...tháng...năm...(tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá);

- Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi.

3. Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua lô cổ phần kèm nợ phải thu và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình các giấy tờ sau:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước

- Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu tại Mẫu số 03 kèm theo Quy chế này và xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;

- Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục theo mẫu tại Mẫu số 03 kèm theo Quy chế này (trường hợp người làm thủ tục là người đại diện theo pháp luật của tổ chức), kèm theo xuất trình chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người làm thủ tục;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

c) Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:

Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài phải xuất trình:

- Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối;

- Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của Ngân hàng lưu ký hoặc Công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký).

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký và đặt cọc: Từ...giờ...phút ngày....tháng....năm... đến....giờ... phút ngày....tháng....năm..(tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá);

b) Địa điểm làm thủ tục đăng ký, đặt cọc: Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) (*nội dung bao gồm tên, địa chỉ, số tài khoản nhận tiền đặt cọc*);

c) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá theo mẫu tại Mẫu số 02 kèm theo Quy chế này.

5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá gửi Tổ chức bán đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua theo mẫu tại Mẫu số 04 kèm theo Quy chế này.

Điều 11. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xoá hoặc rách nát; giá đặt mua là giá toàn bộ lô cổ phần kèm nợ phải thu, không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định, nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì dán kín có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá): Chậm nhất...giờ ... phút ngày... tháng....năm...;

- Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá ký nhận với nhà đầu tư.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xoá, nhà đầu tư phải yêu cầu Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) nơi nhà đầu tư đăng ký mua đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

3. Trường hợp mất Phiếu tham dự đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Mẫu số 05 kèm theo Quy chế này đề nghị Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) nơi nhà đầu tư đăng ký mua phần lô cổ phần kèm nợ phải thu cấp lại Phiếu tham dự đấu

giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 12. Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá

1. Địa điểm tổ chức đấu giá:..... (địa chỉ);
2. Thời gian tổ chức đấu giá:giờ phút ngày...tháng....năm.... ;
3. Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) có trách nhiệm kết thúc nhận Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư trước...giờ...phút ngày... tháng...năm...

Điều 13. Xem xét điều kiện tổ chức đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Tổ chức bán đấu giá sẽ kiểm tra và xác định rõ:

- a) Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;
- b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá;

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất 02 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự cuộc đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 14. Thực hiện bán đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu tham dự đấu giá, đại diện Hội đồng bán đấu giá (nếu có) hoặc người được ủy quyền công bố những thông tin chủ yếu như:

a) Tên doanh nghiệp mua bán nợ, tên doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng, vốn điều lệ, số lượng cổ phần chào bán, giá trị khoản nợ phải thu, số lượng nhà đầu tư tham;

b) Số phiếu tham dự đấu giá nhận được;

c) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định kết quả đấu giá;

d) Giải thích về những vấn đề mà người đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập phiếu tham dự đấu giá

Đến thời điểm đấu giá, Tổ chức bán đấu giá nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá.

3. Xác định kết quả chào bán:

a) Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại tiết d điểm 3 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; gạch đầu dòng thứ 3 điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

Giá đấu hợp lệ là mức giá không thấp hơn giá khởi điểm đã công bố và đảm bảo theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Quy chế này. Giá trúng đấu giá được xác định là mức giá hợp lệ nhà đầu tư đặt mua cao nhất.

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đặt mức giá hợp lệ cao nhất bằng nhau thì ngay trong ngày tổ chức đấu giá, doanh nghiệp mua bán nợ phối hợp với Tổ chức bán đấu giá thông báo thời gian, địa điểm cụ thể tổ chức bỏ phiếu kín giữa các nhà đầu tư này. Nhà đầu tư có trách nhiệm đến nhận Phiếu đặt mua lô cổ phần kèm nợ phải thu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này. Phiếu đặt mua lô cổ phần kèm nợ phải thu (theo Mẫu số 6 Quy chế này) do Tổ chức bán đấu giá cấp, có đóng dấu treo nơi cấp phiếu và nhà đầu tư có trách nhiệm điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin và nộp phiếu kín theo quy định dưới sự giám sát của Hội đồng bán đấu giá (nếu có)/Tổ chức bán đấu giá.

Trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá theo lô, Tổ chức bán đấu giá phối hợp với chủ sở hữu vốn chuyển nhượng triển khai việc thực hiện bỏ phiếu kín giữa các nhà đầu tư để xác định nhà đầu tư có mức giá đặt mua cao nhất và duy nhất. Mức giá bỏ phiếu kín là mức giá không thấp hơn mức giá mà các nhà đầu tư đã đặt mua cao nhất bằng nhau và tuân theo bước giá quy định tại quy chế đấu giá. Ngay sau khi các nhà đầu tư bỏ phiếu kín, Hội đồng bán đấu giá (nếu có)/Tổ chức bán đấu giá xác định nhà đầu tư có mức giá đặt mua hợp lệ cao nhất khi bỏ phiếu kín là nhà đầu tư trúng đấu giá và sẽ được mua toàn bộ lô cổ phần kèm nợ phải thu.

- Trường hợp khi tổ chức bỏ phiếu kín, có từ hai nhà đầu tư trở lên tiếp tục trả giá hợp lệ cao nhất bằng nhau, Hội đồng bán đấu giá (nếu có)/Tổ chức bán đấu giá tổ chức cho các nhà đầu tư này bốc thăm ngay để xác định nhà đầu tư trúng đấu giá. Các phiếu bốc thăm được đặt trong một thùng phiếu trong suốt và phải được các nhà đầu tư kiểm tra số lượng và nội dung phiếu trước khi gấp lại và bỏ vào thùng phiếu.

- Trường hợp các nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối bỏ phiếu kín hoặc nhà đầu tư đã xác định trúng giá nhưng từ chối mua thì xác định cuộc đấu giá không thành công để thực hiện chuyển nhượng sang phương thức chuyển nhượng khác theo quy định.

b) Trường hợp chào bán cạnh tranh

Kết quả chào bán cạnh tranh được xác định tương tự như xác định kết quả đấu giá lô cổ phần quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Biên bản xác định kết quả bán đấu giá

Ngay sau khi kết thúc cuộc bán đấu giá, căn cứ kết quả bán đấu giá, Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá; đại diện doanh nghiệp mua bán nợ, đại diện Tổ chức bán đấu giá hoặc các thành viên trong Hội đồng bán đấu giá (nếu có) đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

Điều 15. Xác định giá thanh toán lô cổ phần kèm nợ phải thu

1. Giá thanh toán là giá trúng đấu giá của nhà đầu tư được xác định tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này.

2. Doanh nghiệp mua bán nợ phải công khai thông tin về giá thanh toán cho các nhà đầu tư biết và thực hiện.

Điều 16. Thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư

1. Trong thời gian tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản xác định kết quả đấu giá, Tổ chức bán đấu giá phối hợp doanh nghiệp mua bán nợ công bố kết quả đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu tại địa điểm đấu giá, trên trang thông tin điện tử của Tổ chức bán đấu giá, doanh nghiệp mua bán nợ.

2. Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm thông báo kết quả đấu giá đến từng nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư có trách nhiệm nhận thông báo kết quả hoặc Phiếu đặt mua lô cổ phần kèm nợ phải thu (trong trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên trả giá cao nhất bằng nhau) tại Tổ chức bán đấu giá trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đấu giá.

Điều 17. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần kèm nợ phải thu

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức bán đấu giá công bố, nhà đầu tư trúng giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu trong thời hạn không quá bảy (07) ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu. Nhà đầu tư trúng đấu giá được trừ số tiền đã đặt cọc để xác định số tiền còn phải thanh toán.

2. Hình thức thanh toán tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu:

a) Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp vào tài khoản của Tổ chức bán đấu giá hoặc Đại lý đấu giá (đối với trường hợp Tổ chức bán đấu giá lựa chọn Đại lý đấu giá) hoặc doanh nghiệp mua bán nợ;

b) Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm tổng hợp và chuyển toàn bộ tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu về tài khoản nhận tiền thu của doanh nghiệp mua bán nợ trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu; Trường hợp Tổ chức bán đấu giá chậm chuyển tiền thu được từ bán đấu giá theo quy định thì phải trả lãi theo quy định.

Điều 18. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc:

a) Không nộp phiếu tham dự đấu giá; từ chối hoặc không tham gia bỏ phiếu kín.

b) Phiếu tham dự đấu giá không đúng quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 11 của Quy chế này.

c) Không ghi giá và khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá.

d) Nhà đầu tư đăng ký nhưng không đặt mua toàn bộ lô cổ phần kèm nợ

phải thu thì không được nhận lại toàn bộ tiền đặt cọc.

đ) Nhà đầu tư không thanh toán toàn bộ lô cổ phần kèm nợ phải thu được quyền mua theo kết quả đấu giá trong đúng thời gian quy định tại Quy chế này thì sẽ mất toàn bộ tiền đặt cọc tương ứng với cả lô cổ phần kèm nợ phải thu.

2. Hội đồng bán đấu giá (nếu có) hoặc tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm xem xét xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 19. Xử lý số cổ phần kèm nợ phải thu bán đấu giá không thành công

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc bán đấu giá không thành công, Tổ chức bán đấu giá thông báo kết quả cho doanh nghiệp mua bán nợ để xử lý theo quy định.

Điều 20. Xử lý tiền đặt cọc

1. Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua lô cổ phần kèm nợ phải thu trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

2. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá, khoản tiền đặt cọc được bù trừ vào tổng số tiền thanh toán mua lô cổ phần kèm nợ phải thu. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Tổ chức bán đấu giá trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua lô cổ phần kèm nợ phải thu trong trường hợp muốn từ chối mua lô cổ phần kèm nợ phải thu.

3. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn lại do nhà đầu tư vi phạm quy định tại Điều 18 Quy chế này. Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm chuyển về tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng lô cổ phần của doanh nghiệp mua bán nợ để xử lý theo quy định.

Điều 21. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư (nếu có) về trình tự, thủ tục đấu giá phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Hội đồng bán đấu giá (nếu có) hoặc tổ chức bán đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Tổ chức bán đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị của lô cổ phần kèm nợ phải thu bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do doanh nghiệp mua bán nợ đã cung cấp./.

Mẫu số 01 - Đơn đăng ký tham gia mua lô cổ phần kèm nợ phải thu
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 202...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MUA LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU

Kính gửi:.....(Tên Tổ chức bán đấu giá)

Tên tổ chức, cá nhân tham gia:

Quốc tịch:

--	--

Địa chỉ liên hệ:

--

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

--	--	--

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu /

Số ĐKDN (đối với tổ chức);

Cấp ngày:

Cấp tại:

--	--	--

Tên người được ủy quyền hoặc đại diện (nếu có):

Số CMND/CCCD/Hộ
chiếu

--	--

Số tài khoản ngân hàng:

Chủ tài khoản:

Mở tại:

--	--	--

(Số tài khoản này sẽ được dùng để chuyển trả tiền đặt cọc cho NĐT trong trường hợp không trúng giá)

Số tài khoản giao dịch chứng khoán: Mở tại công ty chứng khoán:

--	--

(Số tài khoản này dùng để lưu ký chứng khoán đối với đấu giá cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trong trường hợp NĐT trúng đấu giá và đã thanh toán tiền)

Tổng số tiền đã đặt cọc:

Bằng chữ:

--	--

Sau khi nghiên cứu hồ sơ bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của

--

Tôi/chúng tôi tự nguyện tham dự cuộc đấu giá do...(tên Tổ chức bán đấu giá) tổ chức và cam kết thực hiện nghiêm túc quy định về đấu giá.

Nếu vi phạm, tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Cách thức nhận thông báo kết quả đấu giá:

- Nhận trực tiếp tại Tổ chức bán đấu giá/Đại lý đấu giá.
- Nhận qua đường bưu điện tại địa chỉ liên hệ nêu ở trên (chỉ áp dụng đối với trường hợp bán đấu giá thông thường)

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC CUNG
ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN**
(đối với nhà đầu tư nước ngoài)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VIẾT ĐƠN
*Chữ ký, họ tên, đóng dấu(đối với tổ
chức)*

Mẫu số 02 - Phiếu tham dự đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Mã số:..... (Do Hội đồng bán đấu giá cấp)

PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi:... (Tên Tổ chức bán đấu giá)

Tên tổ chức hoặc cá nhân:.....

Số ĐKDN/CMND/CCCD/ Hộ chiếu:..... Ngày cấp..... Nơi cấp
.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

Số tài khoản ngân hàng:..... Mở tại.....

Giá khởi điểm:

Ngày tổ chức đấu giá:

Số tiền đặt cọc đã nộp:..... (Bằng chữ:.....).

Ngày thanh toán:

Ngày hoàn trả tiền đặt cọc:.....

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ và Quy chế bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của tôi/chúng tôi đồng ý đấu giá mua lô cổ phần kèm nợ phải thu đã đăng ký với mức giá như sau:

Mức giá đặt mua (Đồng/lô cổ phần kèm nợ phải thu)	
Bảng số	Bảng chữ

TÊN CÁ NHÂN, TÊN TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ
Ký, họ và tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Mẫu số 03 - Giấy ủy quyền
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Hội đồng bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu

Tên tổ chức hoặc cá nhân:.....

Số ĐKDN/CMND/CCCD/ Hộ chiếu.....

Ngày cấp..... Nơi cấp

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tên người đại diện theo pháp luật (đối với nhà đầu tư tổ chức):

.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Do không có điều kiện tham dự trực tiếp đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của (tên Công ty cổ phần) tại.....(tên Tổ chức bán đấu giá) được tổ chức vào ngày....., nay tôi/chúng tôi:

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà):.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Thay mặt tôi tham dự đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của ...(tên Công ty cổ phần), bao gồm các công việc sau:

1. Làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá (điền thông tin và ký nhận vào Đơn đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá).
2. Ghi giá, khối lượng đặt mua, ký nhận vào Phiếu tham dự đấu giá, nộp phiếu và trực tiếp tham gia phiên đấu giá.

Ông (Bà)..... có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về đấu giá của.....(tên Công ty cổ phần), không

được ủy quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả đấu giá cho người ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
Ký, họ tên và đóng dấu (đối với tổ chức)

XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG, XÃ HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
(trường hợp người ủy quyền là cá nhân)

Mẫu số 04 - Đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày..... tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Kính gửi..... (tên Tổ chức bán đấu giá)

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Số ĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tôi/chúng tôi đã thực hiện đăng ký tham gia đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của Công ty..... tại.....

Nay tôi/chúng tôi đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của Công ty..... với lý do:.....

Tôi/chúng tôi xin chân thành cảm ơn./.

TÊN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

Mẫu số 05 - Đơn đề nghị cấp lại phiếu tham dự đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi:..... (tên Tổ chức bán đấu giá)

Tên tổ chức/cá nhân:.....
Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu/Số ĐKDN:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
Mã số nhà đầu tư:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Số tài khoản:..... Mở tại.....
Ngày..... tôi/chúng tôi đã nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu..... (tên Công ty cổ phần) tại.... (Tên Tổ chức bán đấu giá);
Và đã đặt cọc số tiền:..... (Viết bằng chữ.....); tương đương 10% giá trị đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

Nay tôi/chúng tôi đề nghị được cấp lại Phiếu tham dự đấu giá, lý do:

- Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa,..... (đính kèm theo đơn này)
- Mất Phiếu tham dự đã cấp

Nếu có tranh chấp xảy ra liên quan đến Phiếu tham dự đấu giá của tôi/chúng tôi thì tôi/chúng tôi sẽ có trách nhiệm chứng minh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Tôi/chúng tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật.

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

Phản dành cho Tổ chức bán đấu giá:

Xác nhận đã nhận Đơn đề nghị của nhà đầu tư:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN..... vào lúc.....giờ.....
ngày.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06 - Phiếu đặt mua lô cổ phần kèm nợ phải thu
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày..... tháng năm 20.....

PHIẾU ĐẶT MUA LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU

(Xác định nhà đầu tư đặt giá mua cao nhất duy nhất trong trường hợp cuộc đấu giá có từ hai nhà đầu tư trở lên trả giá cao nhất bằng nhau)

Kính gửi:..... (Tên Tổ chức bán đấu giá)

Tên tổ chức hoặc cá nhân:.....

Số ĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Số tài khoản ngân hàng:..... Mở tại.....

Ngày tổ chức bỏ phiếu kín.....

Giá khởi điểm:.....

Số tiền đặt cọc đã nộp:.....

(Bằng chữ:.....)

Sau khi nghiên cứu Quy chế bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của tôi/chúng tôi đồng ý đặt mua lô cổ phần kèm nợ phải thu đã đăng ký với mức giá như sau:

Mức giá đặt mua (đồng/lô cổ phần kèm nợ phải thu)	
Bằng số	Bằng chữ

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẶT MUA
(Chữ ký, họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))